

Bản án số: 262/2018/DS-ST
Ngày: 04-7-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tiêu Kim Thuận
2. Bà Trần Thị Ngọc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông A, sinh năm: 1971

Địa chỉ: 43-45 đường số M, phường N, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt)

- Bị đơn: Bà B, sinh năm: 1974

Địa chỉ: 537B đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông A trình bày:

Vào ngày 04/5/2017, ông cho bà B vay số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Hai bên có viết giấy mượn tiền ngày 04/5/2017. Bà B hẹn trả hết số nợ trên cho ông A trong một tháng, tính từ ngày vay tiền. Tuy nhiên, bà B đã không trả nợ cho ông A cho đến ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, ông A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà B trả số tiền nợ gốc là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi theo lãi suất 9%/năm tính từ ngày 05/6/2017 cho đến khi bà B trả hết số nợ trên.

Bị đơn bà B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng bà B không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, đầy đủ. Tuy nhiên, Tòa án đã ban hành quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử vì lý do vụ án có tính chất phức tạp là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là ông A và bị đơn là bà B là “tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với giấy vay tiền ghi ngày 04/5/2017 là chứng cứ ông A nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như kết quả phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bà B. Tuy nhiên, bà B vắng mặt trong quá trình Tòa tiến hành tố tụng và không có văn bản phản đối chứng cứ do ông A đưa ra nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà ông A nộp cho Tòa án để xét xử vụ án.

- Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Căn cứ vào giấy mượn nợ ghi ngày 04/5/2017 có cơ sở xác định bà B có vay của ông A số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, bà B phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông A trong thời hạn một tháng kể từ ngày 04/5/2017. Như vậy, thời hạn cuối cùng để bà B trả hết số nợ trên là ngày 04/6/2017.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Tuy nhiên cho đến nay, đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông A là vi phạm những điều kiện đã thỏa thuận tại giấy mượn nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc ông A khởi kiện bà B yêu cầu trả số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*. Tại giấy mượn tiền ngày 04/5/2017, giữa ông A và bà B không thỏa thuận về tiền lãi, tuy nhiên, ngày 04/6/2017 là thời hạn bà B phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông A nhưng bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Việc ông A yêu cầu bà B trả tiền lãi tính từ ngày 05/6/2017 đến ngày 04/7/2018 (ngày Tòa án xét xử vụ án) với lãi suất 9%/ năm, thấp hơn mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, bà B phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho ông A, cụ thể: Từ ngày 05/6/2017 đến ngày 04/7/2018 là 01 năm 01 tháng, tiền lãi là 7.800.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; khoản 1, 4 Điều 466, và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà B trả cho ông A số tiền 87.800.000 (tám mươi bảy triệu tám trăm ngàn) đồng. Trong đó tiền gốc là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, tiền lãi là 7.800.000 (bảy triệu tám trăm ngàn) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: 4.390.000 (bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn) đồng, bà B chịu.

Ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001693 ngày 19/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày: Đối với ông A kể từ ngày tuyên án, đối với bà B kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan